

Dạng 1. Thực hiện phép tính

Bài 1: Cộng các phân số sau (rút gọn nếu có thể)

1) $\frac{2}{13} + \frac{4}{13} + \frac{9}{13}$ 2) $\frac{3}{9} + \frac{4}{9} + \frac{6}{9}$ 3) $\frac{1}{8} + \frac{-2}{8} + \frac{3}{8}$ 4) $\frac{1}{-10} + \frac{4}{-10} + \frac{-7}{-10}$

Bài 2: Cộng các phân số sau (rút gọn nếu có thể)

1) $\frac{1}{7} + \frac{2}{8} + \frac{3}{5}$ 2) $\frac{6}{9} + \frac{12}{7} + \frac{-19}{5}$ 3) $\frac{-3}{4} + \frac{5}{7} + \frac{7}{2}$ 4) $\frac{5}{16} + \frac{7}{4} + \frac{9}{8}$

Bài 3: Tính hợp lí:

1) $\left(\frac{21}{31} + \frac{-16}{7}\right) + \left(\frac{44}{53} + \frac{10}{31}\right) + \frac{9}{53}$ 2) $\frac{1}{34} + \left(\frac{1}{5} + \frac{-4}{17}\right) + \left(\frac{-8}{17} + \frac{23}{34}\right)$
3) $\frac{-3}{20} + \frac{1}{10} + \frac{3}{4} + \frac{-13}{10} + \frac{2}{5}$ 4) $\frac{-1}{6} + \frac{-3}{8} + \frac{2}{5} + \frac{-1}{8} + \frac{2}{3} + \frac{9}{10}$

Bài 4: Tính (Rút gọn nếu có thể)

1) $\frac{4}{9} - \frac{5}{7}$ 2) $\frac{-3}{4} - \frac{5}{9}$ 3) $\frac{3}{5} - \frac{7}{6}$ 4) $\frac{4}{15} - \frac{-2}{5}$

Bài 5: Tính hợp lý:

1) $\frac{5}{9} + \left(\frac{-4}{9} + 2\right)$ 2) $\left(\frac{3}{5} + \frac{-2}{7}\right) + \frac{-1}{5}$
3) $\frac{9}{2} + \frac{6}{13} + \frac{5}{8} + \frac{7}{2} + \frac{3}{8} + \frac{5}{13}$ 4) $\frac{10}{17} + \left(\frac{-7}{18}\right) + \frac{7}{17} - \frac{25}{18} - \frac{4}{9} + \frac{2}{18}$

Bài 6: Tính:

1) $\frac{-2}{5} \cdot \frac{5}{7}$ 2) $\frac{16}{-9} \cdot \frac{9}{-25}$ 3) $\frac{3}{48} \cdot \frac{2}{5}$ 4) $\frac{-9}{-11} \cdot \frac{5}{18}$

Bài 7: Tính:

1) $(-3) \cdot \frac{7}{24}$ 2) $4 \cdot \frac{-5}{9}$ 3) $\frac{7}{22} \cdot (-2)$ 4) $\frac{-7}{5} \cdot (-10)$

Bài 8: Tính:

1) $\frac{9}{32} : \frac{3}{16}$ 2) $\frac{27}{13} : \frac{-9}{26}$ 3) $\frac{3}{5} : (-5)$ 4) $27 : \frac{-9}{5}$

Bài 9: Tính hợp lý:

1) $\frac{-3}{5} \cdot \frac{5}{7} - \frac{3}{5} \cdot \frac{3}{7} - \frac{3}{5} \cdot \frac{6}{7}$ 2) $\frac{5}{11} \cdot \frac{18}{29} - \frac{5}{11} \cdot \frac{8}{29} + \frac{5}{11} \cdot \frac{19}{29}$

$$3) \frac{2}{13} \cdot \frac{5}{9} + \frac{2}{13} \cdot \frac{4}{9} + \frac{11}{13}$$

$$4) \frac{-9}{25} \cdot \frac{53}{3} - \left(\frac{-9}{25} \right) \cdot \frac{32}{3} + \frac{7}{25}$$

Bài 10: Tính

$$1) (-13,58) + 15,79$$

$$2) 2,157 - 5,873$$

$$3) 15,91 \cdot (-12,35)$$

$$4) (-13,472) : (-4,21)$$

Bài 11: Tính nhanh:

$$1) 25,158 - (-25,136) + 36,842 - 16,136 \quad 2) 25,6 + (-15,236) + 17,236 - (-25,4)$$

$$3) 5,4 \cdot (2,1 + 5,14) + 3,76 \cdot 5,4 \quad 4) 12,14 \cdot (5,4 + 5,14) - 5,4 \cdot 12,14$$

Bài 12: Tính:

$$1) 90,2\% \text{ của } 400$$

$$2) 70,5\% \text{ của } 30$$

$$3) 90\% \text{ của } -680$$

$$4) 35,5\% \text{ của } -950$$

Bài 13: Tìm một số, biết:

$$1) 30\% \text{ của nó bằng } 600$$

$$2) 70\% \text{ của nó bằng } 250$$

$$3) 58\% \text{ của nó bằng } 360$$

$$4) 56\% \text{ của nó bằng } 140$$

Dạng 2. Tìm x

Bài 1: Tìm x biết:

$$1) x = \frac{1}{7} + \frac{4}{5} \quad 2) x = \frac{1}{4} - \frac{2}{3} \quad 3) x + \frac{1}{3} = \frac{2}{3} \quad 4) \left(\frac{-3}{27} + \frac{1}{3} \right) - x = \frac{4}{9}$$

$$5) x - \frac{5}{3} = \frac{-8}{3} \quad 6) x + \frac{1}{3} = \frac{11}{6} \quad 7) x - \left(\frac{1}{3} - \frac{1}{4} \right) = \frac{2}{9} \quad 8) x - \left(1 + \frac{3}{7} \right) = \frac{-8}{21}$$

$$9) \frac{16}{9} - x = \frac{-7}{9} \quad 10) \frac{7}{6} - x = 1 - \frac{47}{42} \quad 11) \frac{-9}{4} - x = \frac{-5}{12} - \frac{7}{3} \quad 12) x + \frac{-1}{8} = \frac{3}{8}$$

Bài 2: Tìm x nguyên biết:

$$1) \frac{x}{12} = \frac{2}{3} + \frac{-1}{4} \quad 2) \frac{1}{x} = \frac{17}{72} - \frac{1}{9} \quad 3) \frac{-1}{5} - \frac{2}{15} = \frac{1}{x} \quad 4) \frac{11}{60} + \frac{2}{5} = \frac{-x}{12}$$

Bài 3: Tìm x nguyên biết:

$$1) \frac{3}{23} < \frac{x}{21} \leq \frac{3}{18}$$

$$2) \frac{5}{56} < \frac{x}{52} < \frac{5}{50}$$

$$3) \frac{4}{37} \leq \frac{x}{34} < \frac{4}{31}$$

$$4) \frac{9}{17} < \frac{x}{15} < \frac{9}{14}$$

Dạng 3: Toán có lời văn

Bài 1: Khảo sát trên 300 sinh viên sau một năm tốt nghiệp tại một trường đại học, có 51% sinh viên sau khi tốt nghiệp làm việc đúng ngành học, 32% sinh viên làm việc trái ngành học, 42 sinh viên tiếp tục học lên cao hơn, còn một số sinh viên chưa được tìm được công việc.

a) Hỏi số sinh viên sau khi tốt nghiệp làm việc đúng ngành học là bao nhiêu? Bao nhiêu sinh viên làm việc trái ngành học?

b) Số sinh viên chưa tìm được việc chiếm bao nhiêu phần trăm?

Bài 2: Kết quả kinh doanh ô tô của hãng vinfast cho thấy, tháng 9/2021, hãng bán được gần 3500 chiếc ô tô. Tuy nhiên vào tháng 10/2021, số lượng ô tô được bán ra giảm khoảng 5%. Hỏi số lượng ô tô mà hãng bán ra vào tháng 10 là bao nhiêu?

Bài 3: Số lượng học sinh đỗ đại học của một trường cấp 3 năm 2021 là 820 em, tăng 5% so với thành tích trường đạt được năm trước. Hỏi năm 2020, trường cấp 3 đó có bao nhiêu học sinh đỗ đại học?

Bài 4: Trong năm 2021, sản xuất thép thô cả năm đạt 23 triệu tấn, tăng 16%, sản xuất thép thành phẩm các loại đạt 33 triệu tấn, tăng 19% và bán hàng thép thành phẩm đạt 29 triệu tấn tăng 16% so với năm 2020. Hỏi năm 2020 ngành thép đã sản xuất được bao nhiêu thép thô, bao nhiêu thép thành phẩm và bán được bao nhiêu thép thành phẩm?

Bài 5: Một cửa hàng sách, hạ giá 20% giá sách nhân ngày 8/3. Tuy vậy, cửa hàng vẫn còn lãi 8%. Ngày thường (không hạ giá) thì cửa hàng được lãi khoảng bao nhiêu phần trăm?

Bài 6: Một học sinh đọc quyển sách trong ba ngày. Ngày thứ nhất đọc được 50% số trang sách; ngày thứ hai đọc được 40% số trang còn lại; ngày thứ ba đọc được 80% số trang sách còn lại và còn 3 trang cuối cùng. Cuốn sách có số trang là bao nhiêu?

Bài 7: Nhận được tháng lương đầu tiên, Hà dự định sẽ dùng 35% số lương để mua quà tặng bố mẹ, 45% số tiền dùng để chi tiêu trong tháng, 10% số tiền Hà dùng vào các công việc đột xuất trong tháng. Hà dự định sẽ cất riêng số tiền còn lại là 1 triệu đồng để tiết kiệm. Hỏi tháng lương đầu tiên Hà nhận được là bao nhiêu tiền?

Bài 8: Măng là một món ăn ngon, đậm đà hương vị núi rừng và quen thuộc với người dân Việt Nam. Để bảo quản măng được lâu hơn người ta thường phơi khô măng tươi thành măng khô và măng khô cũng có vị giòn dai rất đặc trưng. Biết rằng lượng nước trong măng tre tươi chiếm 92%. Sau khi phơi khô 200kg măng tre đạt măng thành phẩm người ta thấy nó nhẹ đi 150kg. Tính tỉ số phần trăm nước trong măng thành phẩm sau khi phơi khô.

Bài 9: Quãng đường từ nhà Nam đến trường dài 15km. Sáng hôm ấy, Nam đi xe đạp đến trường, đi được $\frac{3}{5}$ đoạn đường thì xe bị hỏng. Nam sửa xe ở quán gần đó, thấy bác

Huy đi xe máy qua nên Nam đã đi nhờ bác Huy một đoạn đường bằng $\frac{1}{3}$ đoạn đường từ nhà tới trường, đoạn đường còn lại Nam phải đi bộ. Tính đoạn đường Nam phải đi bộ để đến được trường.

Bài 10: Hoa gấp 1000 con hạc giấy. Trong đó: $\frac{2}{5}$ số hạc giấy có màu hồng, $\frac{3}{8}$ số hạc giấy có màu xanh, số hạc giấy còn lại có màu tím.

- Số hạc giấy màu tím chiếm bao nhiêu phần tổng số hạc giấy?
- Tính số hạc giấy màu tím.

Bài 11: Cửa hàng nhà cô Ba bán 450 chiếc cặp sách trong ba ngày. Ngày thứ nhất cửa hàng nhà cô bán được $\frac{2}{9}$ tổng số cặp. Ngày thứ hai cửa hàng nhà cô bán được $\frac{4}{7}$ số cặp còn lại. Hỏi ngày nào nhà cô Ba bán được nhiều cặp nhất và nhiều nhất là bao nhiêu chiếc?

Bài 12: Lớp 6A có 27 học sinh nam. Biết số học sinh nữ của lớp chiếm $\frac{2}{5}$ số học sinh của cả lớp. Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh cả nam và nữ

Bài 13: Một lớp học có 52 học sinh bao gồm ba loại: giỏi, khá, trung bình. Số học sinh trung bình chiếm $\frac{7}{13}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh khá bằng $\frac{5}{6}$ số học sinh còn lại. Tính số học sinh giỏi của lớp.

Bài 14: Một trang trại có nuôi 120 con gia cầm gồm 3 loại: gà, vịt, ngỗng. Số gà bằng $\frac{1}{2}$ tổng số vịt và ngỗng. Số ngỗng nhiều hơn vịt là 6 con. Hỏi trang trại có nuôi bao nhiêu gà? bao nhiêu vịt? bao nhiêu ngỗng?

Dạng 4. Dữ liệu và xác suất thực nghiệm

Bài 1: Nam là một người rất thích thể thao. Hàng ngày Nam chạy bộ vào buổi chiều để nâng cao sức khỏe. Dưới đây là bảng thống kê quãng đường Nam đã chạy được trong 4 ngày liên tiếp

Ngày	Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4
Quãng đường (km)	10	14	7	12

Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên.

Bài 2: Dưới đây là bảng thống kê cân nặng của 4 bạn Hoa, Mai, Tùng, Minh

Bạn	Hoa	Mai	Tùng	Minh
Cân nặng	42 kg	48 kg	57 kg	51 kg

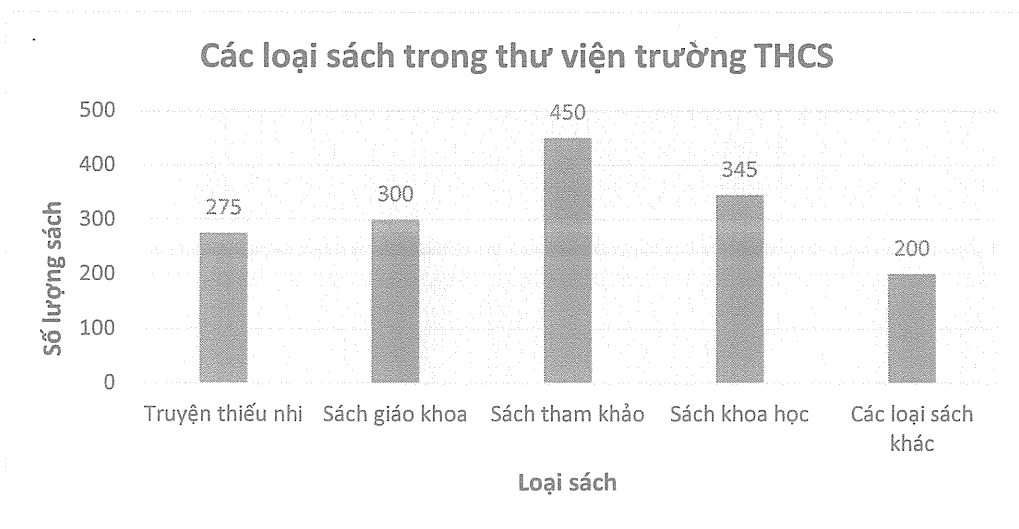
Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên.

Bài 3: Trang trại nhà mợ Liên nuôi một số loại gia súc, gia cầm được thống kê trong bảng sau

Gia súc, gia cầm	Lợn	Gà	Ngan	Vịt
Số lượng (con)	90	230	175	200

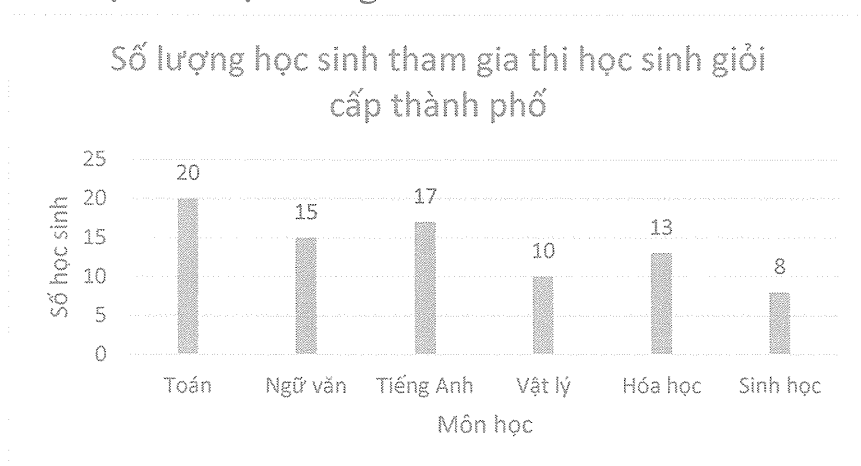
Em hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn cho bảng thống kê trên.

Bài 4: Biểu đồ dưới đây cho biết số lượng các loại sách trong thư viện của trường THCS



- Biểu đồ trên biểu diễn những thông tin gì?
- Loại sách nào có số lượng nhiều nhất trong thư viện? Loại sách nào có số lượng ít nhất trong thư viện?
- Những loại sách nào có số lượng nhỏ hơn 300?
- Từ biểu đồ trên, hãy lập bảng thống kê số lượng các loại sách trong thư viện trường THCS.

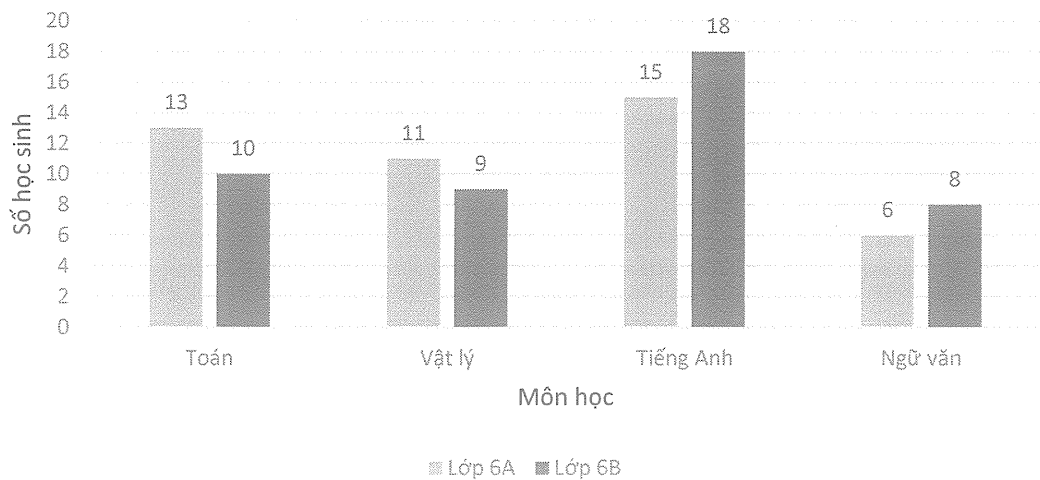
Bài 5: Biểu đồ dưới đây cho biết số lượng học sinh tham gia thi học sinh giỏi cấp Thành phố ở các môn học của một trường THCS



- Môn học nào có số học sinh tham gia thi nhiều nhất? Môn học nào có số học sinh tham gia thi ít nhất?
- So sánh số học sinh tham gia thi môn Ngữ văn và số học sinh tham gia thi môn Tiếng Anh
- Tính tổng số học sinh tham gia thi môn Vật lý và Hóa học
- Từ biểu đồ trên, hãy lập bảng thống kê số lượng học sinh tham gia thi học sinh giỏi cấp thành phố các môn học.

Bài 6: Đọc biểu đồ cột kép sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

SỐ HỌC SINH YÊU THÍCH CÁC MÔN HỌC CỦA LỚP 6A VÀ LỚP 6B



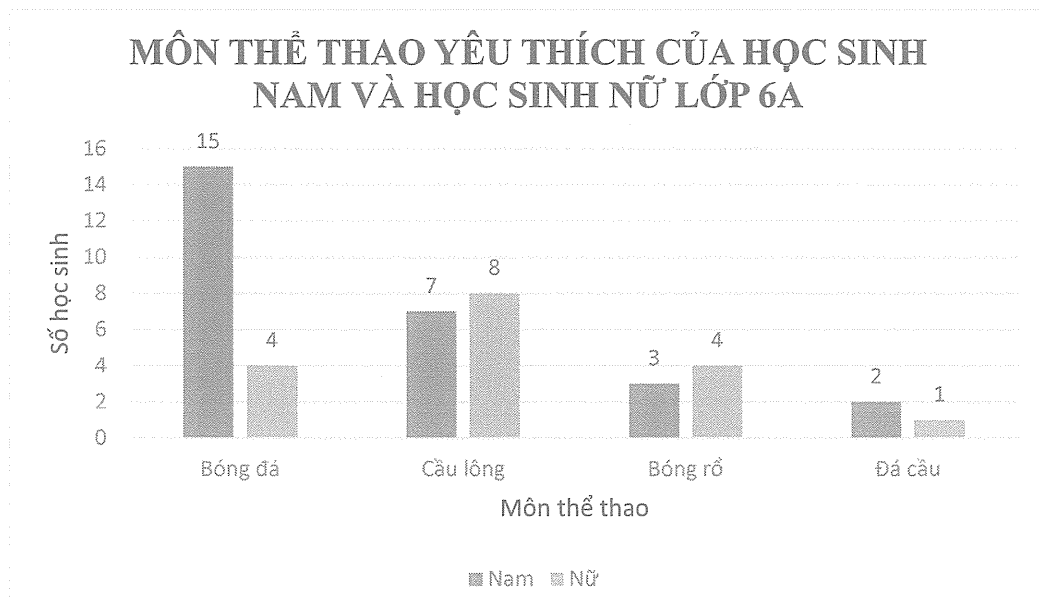
a) Biểu đồ cột kép trên cho em biết những thông tin gì?

b) Môn học nào được nhiều học sinh lớp 6A yêu thích nhất? Môn học nào ít học sinh lớp 6A yêu thích nhất?

Môn học nào được nhiều học sinh lớp 6B yêu thích nhất? Môn nào ít học sinh lớp 6B yêu thích nhất?

c) So sánh số lượng học sinh yêu thích môn Vật lý của lớp 6A và lớp 6B? So sánh số lượng học sinh yêu thích môn Toán của lớp 6A và lớp 6B

Bài 7: Biểu đồ cột kép dưới đây cho biết số học sinh nam và số học sinh nữ yêu thích các môn thể thao của lớp 6A



a) Môn thể thao nào có nhiều học sinh trong lớp yêu thích nhất? Môn thể thao nào có ít học sinh trong lớp yêu thích nhất?

b) Môn thể thao nào được nhiều học sinh nam yêu thích nhất? Môn thể thao nào được nhiều học sinh nữ yêu thích nhất?

c) So sánh số học sinh nam và số học sinh nữ yêu thích môn Cầu lông? So sánh số học sinh nam và số học sinh nữ yêu thích môn Bóng rổ?

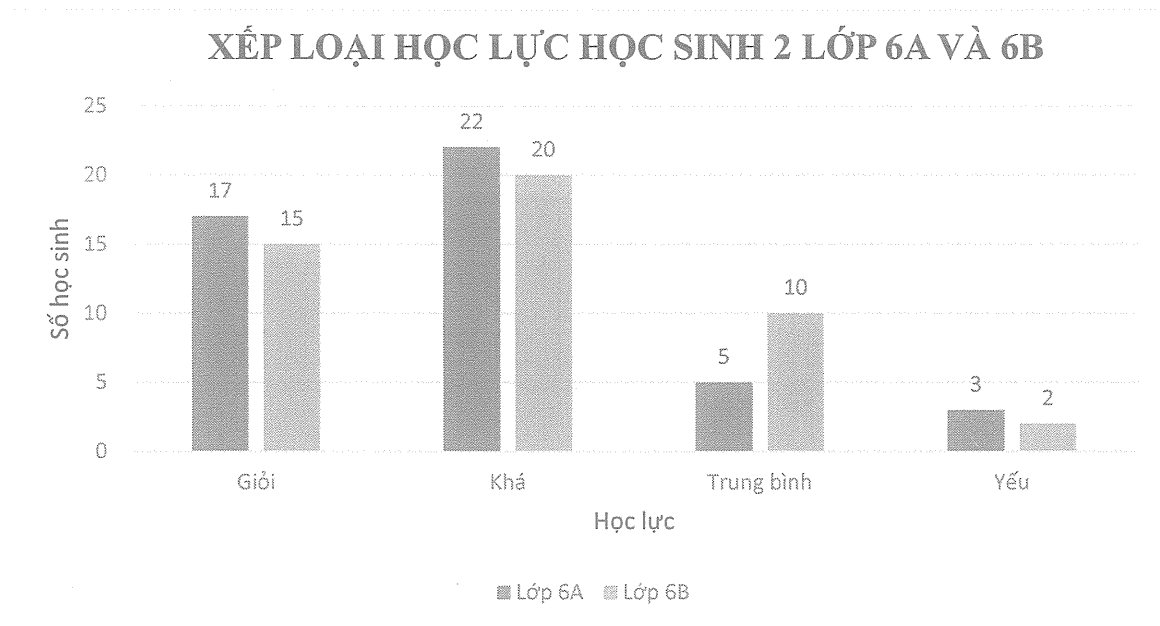
So sánh số học sinh nam yêu thích môn bóng đá với số học sinh nam yêu thích môn bóng rổ?

So sánh số học sinh nữ yêu thích môn bóng đá và số học sinh nữ yêu thích môn cầu lông?

d) Tính số học sinh của lớp 6A yêu thích môn cầu lông?

Tính tổng số học sinh của lớp 6A yêu thích môn đá cầu?

Bài 8: Đọc biểu đồ cột kép dưới đây và trả lời các câu hỏi bên dưới



a) Biểu đồ cột kép trên cho em biết những thông tin gì?

b) Học sinh 2 lớp đạt học lực nào nhiều nhất? Học lực nào ít nhất?

c) So sánh số học sinh đạt học lực giỏi của lớp 6A và 6B

So sánh số học sinh đạt học lực trung bình của lớp 6A và 6B

d) Tính tổng số học sinh đạt học lực giỏi của cả 2 lớp

Tính tổng số học sinh đạt học lực khá của cả 2 lớp

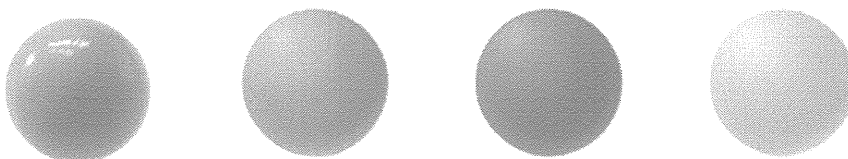
Tính tổng số học sinh đạt học lực trung bình của cả 2 lớp

Tính tổng số học sinh đạt học lực yếu của cả 2 lớp

e) Tính tổng số học sinh lớp 6A

Tính tổng số học sinh lớp 6B

Bài 9: Trong hộp có 2 viên bi vàng, 3 viên bi xanh lá, 2 viên bi đỏ và 3 viên bi màu xanh da trời. An thực hiện lấy 1 viên bi trong hộp rồi ghi lại màu sắc rồi lại bỏ vào.



Sau khi thực hiện việc đó khoảng 60 lần, An được 1 bảng như sau:

XL	V	XL	Đ	XT	Đ	Đ	V	XT	XT	XL	Đ
V	XT	XT	XL	Đ	V	V	XL	V	XT	Đ	XL
XT	XT	Đ	V	Đ	XL	Đ	V	V	XT	XL	XL
V	Đ	XL	XL	Đ	V	XT	XT	XL	V	V	Đ
Đ	V	V	V	XL	XT	XT	V	Đ	Đ	XT	XT

Trong đó: V: bi màu vàng; Đ: bi màu đỏ; XL: bi màu xanh lá; XT: bi màu xanh da trời

a) Tính xác suất của sự kiện An lấy được bi màu xanh lá.

b) Tính xác suất của sự kiện An lấy được bi không phải màu xanh

Bài 10: Trong một hộp có chứa nhiều bút bi xanh (X), đen (Đ), và tím (T). An nhắm mắt trộn đều hộp rồi chọn từ đó một cái bút, ghi lại màu bút, rồi trả lại hộp. Lặp lại các bước trên 30 lần, An được bảng kết quả sau:

Đ	Đ	T	X	X	Đ	X	T	T	X
X	Đ	X	Đ	Đ	X	Đ	Đ	X	T
Đ	X	T	X	X	Đ	T	X	X	X

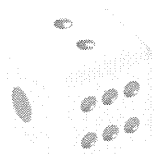
Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện:

a) An lấy được bút màu xanh.

b) An lấy được bút màu đen.

c) An lấy được bút màu tím.

Bài 11: Gieo một con xúc xắc 6 mặt 100 lần ta được kết quả như sau:



Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	14	20	15	15	17	19

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện

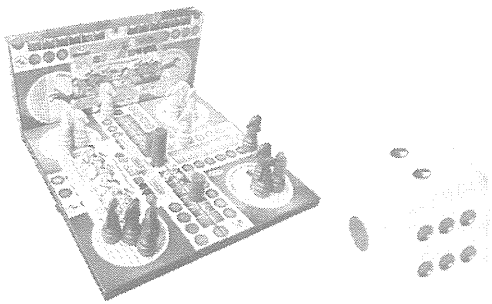
a) Gieo được mặt có 2 chấm.

b) Gieo được mặt có số lẻ chấm.

c) Gieo được mặt có số chấm không vượt quá 3.

d) Gieo được mặt có số chấm là số nguyên tố.

Bài 12: An và Bình cùng chơi trò cá ngựa:

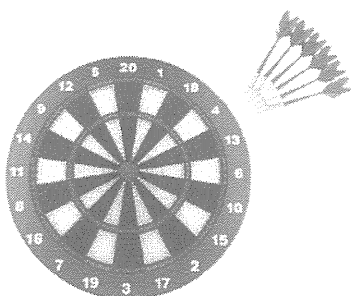


Biết rằng để được cấm ngựa và di chuyển thì phải đổ súc sắc được số chấm là 6. Bảng sau ghi lại số chấm trên mặt súc sắc mà các bạn đổ được 10 lần liên tiếp:

Lần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
An	4	6	4	6	4	2	2	1	5	4
Bình	5	5	5	6	3	3	1	4	4	5

- Bạn nào được cấm ngựa đi trước?
- Tính xác suất của sự kiện 2 bạn cùng cấm ngựa đi cùng lúc?
- Tính xác suất của sự kiện số chấm trên súc sắc của Bình hơn của An 1 đơn vị?

Bài 13: Một xạ thủ bắn 20 mũi tên vào một tấm bia. Điểm số của các lần bắn cho ở bảng sau

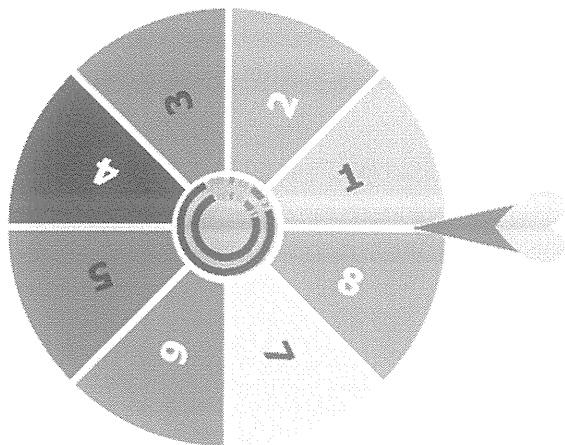


8	7	9	10	7	6	8	9	10	10
8	8	9	9	10	10	6	9	9	8

Hãy tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện sau mỗi lần bắn:

- Xạ thủ bắn được 10 điểm.
- Xạ thủ bắn được ít nhất 9 điểm.

Bài 14: An và bình cùng chơi một trò chơi như sau



An và Bình cùng quay một tấm bìa như hình bên. Nếu mũi tên chỉ vào số chẵn thì An thắng, nếu mũi tên chỉ vào số lẻ thì Bình thắng. Hai bạn cùng quay 30 lượt và số điểm mỗi lần được thể hiện trong bảng sau:

8	8	4	6	3	7	1	7	5	6
6	1	3	3	5	6	3	1	4	5
8	6	8	5	4	6	3	7	8	3

- Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “An thắng”; “Bình thắng”
- Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số ván thắng của An, Bình

Dạng 5. Hình học cơ bản

Bài 1: Cho điểm O thuộc đường thẳng xy . Trên tia Ox lấy điểm M sao cho $OM = 3$ cm. Trên tia Oy lấy điểm N sao cho $ON = 6$ cm. Gọi A, B lần lượt là trung điểm của OM, ON

- Tính độ dài các đoạn thẳng OA, OB .
- Tính độ dài đoạn thẳng AB .

Bài 2: Cho điểm E thuộc đường thẳng pq . Trên tia Ep lấy điểm P sao cho $EP = \frac{7}{4}$ cm.

Trên tia Eq lấy điểm Q sao cho $EQ = \frac{8}{5}$ cm. Gọi C, D lần lượt là trung điểm của EP, EQ .

- Tính độ dài các đoạn thẳng CE, DE ?
- Tính độ dài đoạn thẳng CD ?
- Gọi H là trung điểm đoạn thẳng PQ . Tính độ dài đoạn thẳng HP, HQ ?

Bài 3: Cho điểm G thuộc đường thẳng hk . Trên tia Gh lấy điểm H sao cho $GH = \frac{15}{2}$ cm.

Trên tia Gk lấy điểm K sao cho $GK = \frac{14}{5}$ cm. Gọi E, F lần lượt là trung điểm của GH, GK .

- Tính độ dài các đoạn thẳng EH, FK .

b) Tính độ dài đoạn thẳng EF .

c) Gọi I là trung điểm đoạn thẳng HK . Tính độ dài đoạn thẳng IH , IK .

Bài 4: Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 2 \text{ cm}$, $OB = 6 \text{ cm}$.

a) Tính độ dài đoạn thẳng AB .

b) Gọi M là trung điểm của đoạn thẳng OB . Tính độ dài các đoạn thẳng OM , MB ?

c) Tính độ dài đoạn thẳng AM .

Bài 5: Trên tia Ix lấy hai điểm M và N sao cho $IM = 8 \text{ cm}$, $IN = \frac{5}{2} \text{ cm}$.

a) Tính độ dài đoạn thẳng MN .

b) Gọi P là trung điểm của đoạn thẳng IM . Tính độ dài các đoạn thẳng IP , MP .

c) Tính độ dài đoạn thẳng NP .

d) Gọi Q là trung điểm đoạn thẳng MN . Tính độ dài các đoạn thẳng MQ , NQ .

Bài 6: Trên tia Ox lấy các điểm M , N sao cho $OM = 2 \text{ cm}$; $ON = 3 \text{ cm}$. Trên tia đối của tia NO lấy điểm P sao cho $NP = 1 \text{ cm}$.

a) Tính độ dài các đoạn thẳng MN và MP

b) N có là trung điểm của đoạn thẳng MP không? Vì sao?

c) M có là trung điểm của đoạn thẳng OP không? Vì sao?

Bài 7: Trên tia Ox lấy các điểm E , F sao cho $OE = 6 \text{ m}$; $OF = 4 \text{ m}$. Trên tia đối của tia EO lấy điểm I sao cho $IE = 2 \text{ m}$.

a) Tính độ dài các đoạn thẳng EF và IF

b) E có là trung điểm của đoạn thẳng FI không? Vì sao?

c) F có là trung điểm của đoạn thẳng OI không? Vì sao?

Bài 8: Vẽ hình theo gợi ý sau:

+ Vẽ đoạn thẳng $BC = 5 \text{ cm}$.

+ Vẽ $\widehat{CBx} = 50^\circ$

+ Vẽ $\widehat{BCy} = 90^\circ$

+ Trên tia Bx lấy điểm A sao cho $AB = 4 \text{ cm}$.

+ Vẽ $\widehat{BAz} = 110^\circ$

+ Tia Az cắt Cy tại điểm D

+ Đo góc $\widehat{ADC}$ và cho biết kết quả

Bài 9: Vẽ $\widehat{xOy} = 90^\circ$. Lấy điểm M nằm bên trong góc $\widehat{xOy}$ sao cho $\widehat{xOM} = 45^\circ$. So sánh 2 góc $\widehat{xOM}$ và $\widehat{yOM}$

Bài 10: Vẽ góc bẹt $\widehat{xOy}$. Vẽ tia Oz sao cho $\widehat{xOz} = 50^\circ$. Bên trong $\widehat{zOy}$ ta lấy điểm M sao cho $\widehat{yOM} = 80^\circ$. Khi đó $\widehat{MOz}$ bằng bao nhiêu độ?

Thọ Lộc, ngày tháng năm 2026

**KÍ DUYỆT
CỦA BAN GIÁM HIỆU
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Quang Tất

**KÍ DUYỆT
CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
TỔ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Thanh Huyền

GIÁO VIÊN

Hà Chí Luận